

Bản án số: **211/2026/HS-ST**

Ngày: 03-9-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lắm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tuyết Lan;

2. Ông Hoàng Ngọc Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Liêm – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh Tây Ninh;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Võ Minh Hậu - Kiểm sát viên;

Ngày 03 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh Tây Ninh tiến hành xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 201/2026/TLST-HS ngày 31 tháng 7 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 219/2026/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 8 năm 2026, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Thúc D**; giới tính: Nam, sinh ngày 03 tháng 9 năm 1990, tại tỉnh Lâm Đồng. Nơi cư trú: Ấp B, xã C, tỉnh Tây Ninh. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Công giáo. Nghề nghiệp: Tài xế. Trình độ học vấn: 9/12. Con ông Phạm Thúc T, sinh năm 1961 và bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1965; Cùng cư trú ấp B, xã C, tỉnh Tây Ninh. Vợ: Phạm Thị Hồng L, sinh năm 1999; Nơi cư trú: Ấp B, xã C, tỉnh Tây Ninh; Con: Có 01 người, sinh năm 2021. Tiền sự: Không có; Tiền án:

- Bản án số 16/2011/HS-ST ngày 09/3/2011 bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 10, tỉnh Tây Ninh) đã áp dụng khoản 1, Điều 138, điểm g, p khoản 1, Điều 46, điểm g khoản 1, Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; chấp hành xong ngày 31/12/2011 (chưa xóa án tích).

- Bản án số 245/2012/HS-ST ngày 28/9/2012 bị Tòa án nhân dân huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh) đã áp dụng điểm c khoản 2, Điều 138, điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt 36 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong ngày 31/01/2015 (chưa xóa án tích)

- Bản án số 24/2015/HS-ST ngày 26/11/2015 bị Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 10, tỉnh Tây Ninh) đã áp dụng điểm a, c khoản 2, Điều 138, điểm b, o, p khoản 1, Điều 46, điểm g khoản 1, Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong ngày 30/01/2019. (chưa xoá án tích)

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 23/3/2026 tại Phân trại tạm giam T - Trại tạm giam số 1, Công an tỉnh T cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa;

Bị hại: Bà Phạm Kim Á sinh năm 1979. Địa chỉ: khu phố N, phường B, tỉnh Tây Ninh (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 09/5/2019, Phạm Thúc D điều khiển xe mô tô biển số 70E1-369.55 chở người tên T2 (không rõ nhân thân và địa chỉ) đi từ hướng thành phố T về hướng huyện D, tỉnh Tây Ninh (nay là xã D, tỉnh Tây Ninh). Khi đến khu vực ấp T, xã S, huyện D, tỉnh Tây Ninh (nay là ấp T, xã D) thì Phạm Thúc D điều khiển xe mô tô vượt bên trái, áp sát xe mô tô 70B1-389.80 của bà Phạm Kim Á sinh năm 1979 cư trú khu phố N, phường N, thành phố T (nay là khu phố N, phường B, tỉnh Tây Ninh) đang điều khiển cùng chiều phía trước, tạo điều kiện cho T2 giật lấy túi xách của bà Á đang để ở бага giữa của xe, bên trong túi xách có 14.000.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Sony Experia, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Huỳnh Thiện T3, 01 giấy chứng minh mang tên Phạm Kim Á. Ông Ngô Đình K sinh năm 1972, cư trú khu phố H, phường H, thị xã H (nay là khu phố H, phường T) là chồng của bà Á đang điều khiển xe mô tô phía sau bà Á nhìn thấy sự việc nên truy hô “cướp”, “cướp”, “cướp” và đuổi theo. Nghe tiếng truy hô của ông K, D điều khiển xe tăng tốc bỏ chạy về hướng thị trấn D được 698m thì va chạm giao thông với xe mô tô biển số 70E1-211.78 do chị Nguyễn Thị T4 điều khiển làm xe và D té ngã xuống đường, T2 bỏ lại túi xách của bà A bỏ trốn, D được người dân đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện.

Kết luận định giá tài sản số 23 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện D ngày 06/6/2019 kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sony Xperia có giá trị 1.540.000 đồng, 01 túi xách da màu đỏ có giá trị 80.000 đồng. (BL 57).

Kết quả thu giữ và xử lý vật chứng: không có.

Về kê biên tài sản: Qua xác minh thể hiện D không có sở hữu tài sản nên Cơ quan điều tra không kê biên (BL 122).

Đối với người tên T2; Cơ quan điều tra Công an tỉnh T chưa làm việc được nên đã có Quyết định truy tìm và tách vụ án hình sự để tiếp tục điều tra, làm rõ xử lý sau.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và vật chứng bị thu giữ đúng nội dung bản Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố;

Bị hại – Bà Phạm Kim Á đã nhận lại tài sản nên không có yêu cầu bị cáo bồi thường thêm.

Tại cáo trạng số 109/CT-VKSKV11 ngày 29 tháng 7 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, tỉnh Tây Ninh đã truy tố bị cáo Phạm Thúc D về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d, i khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Phạm Thúc D phạm tội “Cướp giật tài sản”;

Áp dụng điểm d, i khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Thúc D từ 05 năm đến 07 năm tù;

Hình phạt bổ sung: miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo;

Xử lý vật chứng theo quy định pháp luật;

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát;

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo nhận thấy hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh T; Điều tra viên; Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, tỉnh Tây Ninh. Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo thể hiện: Vào ngày 09/5/2019 bị cáo Phạm Thúc D điều khiển xe mô tô biển số 70E1-369.55 chở người tên Tươi lưu thông trên đường thuộc ấp T, xã S, huyện D, tỉnh Tây Ninh (nay là ấp T, xã D) phát hiện bà Phạm Kim Á lưu thông cùng chiều phía trước; bị cáo D điều khiển xe vượt bên trái, áp sát xe mô tô biển số 70B1-389.80 do bà Phạm Kim Á đang điều khiển, để tạo điều kiện cho người tên T2 ngồi phía sau cướp giật 01 túi xách của bà Á, bị cáo D tăng ga nhằm tẩu thoát nhưng bị tai nạn giao thông nên bị cáo D bị bắt giữ; người tên T2 trốn thoát; bên trong túi xách của bà Á có 14.000.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Sony Experia; tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt 15.620.000 đồng. Diễn biến hành vi của bị cáo và vật chứng bị thu giữ như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

Đối với người tên T2; Cơ quan điều tra Công an tỉnh T chưa làm việc được nên đã có Quyết định truy tìm đối tượng và tách vụ án hình sự để tiếp tục điều tra, làm rõ xử lý sau.

[3] Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở để xác định bị cáo Phạm Thúc D phạm tội “Cướp giật tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d, i khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự; với tình tiết d) Dùng thủ đoạn nguy hiểm; i) Tái phạm nguy hiểm. Do bị cáo điều khiển xe mô tô lưu thông trên đường để thực hiện hành vi phạm tội nên được xác định là thủ đoạn nguy hiểm; bị cáo Phạm Thúc D đã 03 lần bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này được định tội với tình tiết tái phạm nguy hiểm.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ và gây ảnh hưởng xấu về trật tự an toàn xã hội nên phải chịu trách nhiệm hình sự.

[5] Khi quyết định hình phạt đối với bị cáo có xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

[5.1] Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, lúc đầu bị cáo chưa thành khẩn khai báo; tuy nhiên sau đó và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5.2] Tình tiết tăng nặng: không có;

[6] Xét thấy, trong vụ án này mặc dù bị cáo D không trực tiếp thực hiện hành vi giật tài sản nhưng bị cáo là đồng phạm giúp sức tích cực, bị cáo điều khiển xe áp sát bên trái xe của bị hại để tạo điều kiện cho đối tượng T2 giật túi xách của bị hại rồi bị cáo D tăng ga bỏ chạy; bị cáo phạm tội rất nghiêm trọng do lỗi cố ý; bị cáo đã từng bị kết án nhiều lần nhưng vẫn tiếp tục phạm tội nên cần tiếp tục cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một khoản thời gian nhất định nhằm cải tạo giáo dục, góp phần phòng chống tội phạm;

Về hình phạt bổ sung: Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo;

[7] Xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra xe mô tô biển số 70E1-369.55 đã trả cho bà Nguyễn Thị T1 là chủ sở hữu hợp pháp;

[8] Trách nhiệm dân sự: Ghi nhận bị hại đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu bị cáo bồi thường.

[9] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát về điều luật áp dụng và mức hình phạt đối với bị cáo là phù hợp với tình tiết, nội dung vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

Căn cứ điểm d, i khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Thúc D **05** (năm) **năm tù** về tội “Cướp giật tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ tạm giam 23/3/2026.

2. Về án phí hình sự sơ thẩm:

Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Buộc bị cáo Phạm Thúc D phải chịu 200.000 đồng tiền án phí.

3. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 36 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo Bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 11 – Tây Ninh;
- Phòng THADS khu vực 11 tỉnh Tây Ninh;
- Công an tỉnh Tây Ninh;
- Sở Tư pháp tỉnh Tây Ninh;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- THA phạt tù;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Lắm